

Số/No: 1049/NCTS-CBTT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026  
Ha Noi, July 2026

**Kính gửi/ To:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Viet Nam*
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Viet Nam Exchange*
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức/ *Name of organisation*: Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/ *Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company*.

- Mã chứng khoán/ *Securities Code*: NCT
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address of head office*: Sân bay quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, Tp. Hà Nội/ *Noi Bai International Airport, Noi Bai commune, Ha Noi City*.
- Điện thoại/ *Telephone*: (84-24) 35840905 Fax: (84-24) 35840906
- E-mail: tranvietphuong@noibaicargo.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure*: Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026/ *Corporate Governance report for the first six months of 2026*.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .../07/2026 tại đường dẫn/ *This information is disclosed on the company's website on .... July 2026 at the link: ncts.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố/ *We hereby commit that the information disclosed above is true and we are fully responsible before the law for the content of the disclosed information*.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty  
*Company legal Representative*

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026/ *Corporate Governance report for the first six months of 2026*.



Trần Việt Phương

Số/No: 1048BC-HĐQT/NCTS

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2026  
Ha Noi, July 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE FOR THE FIRST 06 MONTHS OF 2026**

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Viet Nam*
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Viet Nam Exchange*
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

- |                                                                                         |                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| - Tên công ty<br><i>Company name</i>                                                    | : Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài.<br><i>Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company.</i>                                                                      |
| - Địa chỉ trụ sở chính<br><i>Address of Head office</i>                                 | : Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội, Việt Nam.<br><i>Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Ha Noi City, Viet Nam.</i>                             |
| - Điện thoại/ <i>Telephone</i>                                                          | : (024)3.5840905      Fax: (024)3.5840906                                                                                                                                       |
| - Vốn điều lệ/ <i>Charter capital</i>                                                   | : 261.669.400.000 đồng/VND.                                                                                                                                                     |
| - Mã chứng khoán<br><i>Securities Code</i>                                              | : NCT                                                                                                                                                                           |
| - Mô hình quản trị công ty<br><i>Company Organizational Model</i>                       | : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.<br><i>General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director.</i> |
| - Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ <i>Performance of internal audit functions:</i> | Đã thực hiện.<br><i>Performed.</i>                                                                                                                                              |

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)/ Activities of the General Meeting of Shareholders**

| Số Nghị quyết/<br>Resolution No. | Ngày/<br>Date | Nội dung/ Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 0126/NQ-ĐHĐCĐ                    | 25/6/2026     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị/ <i>Approving the Performance report of Board of Directors in 2025.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát/ <i>Approving the Performance report of Board of Supervisors in 2025.</i></li> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025/ <i>Approving the audited financial statements and profit distribution plan for 2025.</i></li> <li>- Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2026 / <i>Approving the 2026 Business Production Plan.</i></li> <li>- Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026/ <i>Approving the salary and remuneration levels for the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2026.</i></li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh/ <i>Approval of the amendment and supplementation of business lines.</i></li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty/ <i>Approval of the amendment and supplementation of the Company Charter.</i></li> <li>- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty/ <i>Approval of the amendment and supplementation of the internal regulations on corporate governance.</i></li> <li>- Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2025-2030/ <i>Approval of the results of the supplementary election of members to the Board of Directors and the Supervisory Board for the 2025-2030 term.</i></li> </ul> |





## II. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Board of Directors*

### 1. Thông tin về thành viên HĐQT/ *Information about the members of the Board of Directors:*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>Board of Directors's<br/>members</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>  | Ngày bắt đầu/ không còn là<br>thành viên HĐQT<br><i>Date of appointment / Date of dismissal<br/>of member of the Board of Directors</i> |                                             |
|------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
|            |                                                            |                             | Ngày bổ nhiệm<br><i>Date of appointment</i>                                                                                             | Ngày miễn nhiệm<br><i>Date of dismissal</i> |
| 1          | Nguyễn Duy Việt                                            | Chủ tịch<br><i>Chairman</i> | 25/6/2026                                                                                                                               | -                                           |
|            |                                                            | Thành viên<br><i>Member</i> | 28/6/2023                                                                                                                               | 25/6/2026                                   |
| 2          | Hồ Quang Tuấn                                              | Chủ tịch<br><i>Chairman</i> | 25/6/2020                                                                                                                               | 25/6/2026                                   |
| 3          | Trần Việt Phương                                           | Thành viên<br><i>Member</i> | 01/3/2026                                                                                                                               | -                                           |
| 4          | Nguyễn Giang Tiến                                          | Thành viên<br><i>Member</i> | 11/3/2005                                                                                                                               | -                                           |
| 5          | Nguyễn Thanh Dương                                         | Thành viên<br><i>Member</i> | 26/4/2017                                                                                                                               | -                                           |
| 6          | Vũ Thành Đạt                                               | Thành viên<br><i>Member</i> | 20/6/2025                                                                                                                               | -                                           |

### 2. Các cuộc họp của HĐQT/ *Board of Directors Meetings:*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT<br><i>Board of Directors's<br/>member</i> | Số buổi tham dự<br>họp/ <i>Number of<br/>attended meetings</i> | Tỷ lệ<br>tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Lý do không tham<br>dự họp/ <i>Reasons of<br/>absence</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 1          | Nguyễn Duy Việt                                           | 3/3                                                            | 100%                                           | -                                                         |
| 2          | Hồ Quang Tuấn                                             | 3/3                                                            | 100%                                           | -                                                         |
| 3          | Trần Việt Phương                                          | 2/2                                                            | 100%                                           | -                                                         |
| 4          | Nguyễn Giang Tiến                                         | 3/3                                                            | 100%                                           | -                                                         |
| 5          | Nguyễn Thanh Dương                                        | 3/3                                                            | 100%                                           | -                                                         |
| 6          | Vũ Thành Đạt                                              | 3/3                                                            | 100%                                           | -                                                         |

### **3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc điều hành (BGĐ)/ *Supervisory activities of the Board of Directors for Board of Directors:***

HĐQT thường xuyên thực hiện các hoạt động giám sát đối với BGĐ, việc giám sát của HĐQT được thực hiện thông qua báo cáo định kỳ của BGĐ gửi HĐQT. Trong 6 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã tổ chức 3 phiên họp, 13 lần lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan để chỉ đạo, hỗ trợ thực hiện và giám sát các hoạt động SXKD của công ty. HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế, đề ra các quyết sách có liên quan đến hoạt động SXKD và tổ chức hoạt động của công ty, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để BGĐ chủ động thực hiện hoàn thành nhiệm vụ.

*The Board of Directors regularly oversees the Board of Management, primarily through the periodic reports submitted by the Board of Management to the Board of Directors. During the first six months of 2026, the Board of Directors held three meetings, conducted 13 rounds of written consultation, and issued relevant resolutions and decisions to direct, support, and oversee the company's production and business activities. The Board of Directors consistently stays abreast of actual conditions, formulates policies regarding the company's operations and organizational structure, and creates favorable conditions for the Board of Management to proactively fulfill its duties.*

### **4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees:***

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế kiểm toán nội bộ được HĐQT thông qua tại Quyết định số 09/QĐ-HĐQT/NCTS ngày 10/6/2021.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ có sự thay đổi nhân sự như sau:

- Ông Bùi Đình Thảo tham gia và được bổ nhiệm là Trưởng tiểu ban KTNB kể từ ngày 01/4/2026.

- Bà Nguyễn Thị Hồng Phương thôi giữ chức Thành viên tiểu ban KTNB kể từ ngày 01/4/2026.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện tốt công việc theo đúng chức trách nhiệm vụ được giao và kế hoạch kiểm toán nội bộ đã được thông qua. BGĐ và cán bộ nhân viên tham gia công tác kiểm toán nội bộ luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt trong việc cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu cũng như giải trình, báo cáo... phục vụ chương trình kiểm toán.

*The Internal Audit Subcommittee operates in accordance with the Internal Audit Regulations approved by the Board of Directors in Decision No. 09/QĐ-HĐQT/NCTS dated 10<sup>th</sup> June, 2021.*

*In the first 6 months of 2026, the Internal Audit Subcommittee underwent the following personnel changes:*

20-C  
V  
HÒA  
HÀ N



- Mr. Bui Dinh Thao joined and was appointed Head of the Internal Audit Subcommittee, effective 1<sup>st</sup> April, 2026.

- Ms. Nguyen Thi Hong Phuong stepped down as a member of the Internal Audit Subcommittee, effective 1<sup>st</sup> April, 2026.

In the first 6 months of 2026, the Internal Audit Subcommittee effectively performed its work in accordance with its assigned duties and responsibilities and the approved internal audit plan. The Board of Directors and employees that participated in the internal audit, always facilitated and coordinated well in providing necessary records, documents as well as explanations, reports... for the audit.

## **5. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT/ Resolutions, decisions of the Board of Directors:**

### **5.1 Các nghị quyết của HĐQT/ Resolutions of the Board of Directors:**

| Stt<br>No. | Số<br>Nghị<br>quyết/<br>Resolution<br>Number | Ngày/<br>Date | Nội dung/ Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tỷ lệ<br>thông qua<br>/Passage<br>rate |
|------------|----------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1          | 01/NQ-HĐQT/NCTS                              | 20/01/2026    | Điều chỉnh hệ thống thang lương, bảng lương chức danh của người quản lý và người lao động trong Công ty năm 2026/ <i>Adjustment of the salary scale and job-title-based salary schedule for managers and employees of the Company in 2026.</i>                                                                                                                                                                 | 100%                                   |
| 2          | 02/NQ-HĐQT/NCTS                              | 21/01/2026    | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua Truckdock 20Ft năm 2025/ <i>Approval of the online contractor selection results for the 2025 procurement package for 20ft truck docks.</i>                                                                                                                                                                                                           | 100%                                   |
| 3          | 03/NQ-HĐQT/NC TS                             | 21/01/2026    | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành các dự án: đầu tư kho lạnh bảo quản hàng hóa năm 2024, đầu tư xe xúc nâng cao (Reach truck), đầu tư xe xúc nâng điện 2,5 tấn năm 2024/ <i>Approval of finalization of investment capital for completed projects: investment in a cold storage facility for goods (2024), investment in reach trucks, and investment in 2.5-ton electric forklifts (2024).</i> | 100%                                   |
| 4          | 04/NQ-HĐQT/NCTS                              | 13/02/2026    | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư và thời gian thực hiện gói thầu mua xe đầu kéo năm 2024 thuộc dự án đầu tư xe đầu kéo                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%                                   |

| Stt<br>No. | Số<br>Nghị<br>quyết/<br>Resolution<br>Number | Ngày/<br>Date | Nội dung/ Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ<br>thông qua<br>/Passage<br>rate |
|------------|----------------------------------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|            |                                              |               | năm 2024/ <i>Approval of adjustment of the implementation schedule for the investment project and the procurement package for tractor trucks in 2024.</i>                                                                                                                                                                                                                |                                        |
| 5          | 05/NQ-HĐQT/NCTS                              | 26/02/2026    | Phê duyệt công tác nhân sự Tổng Giám đốc và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty/ <i>Approval of personnel matters regarding the General Director and change of the Company's legal representative.</i>                                                                                                                                                    | 100%                                   |
| 6          | 06/NQ-HĐQT/NCTS                              | 27/02/2026    | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư và thời gian thực hiện gói thầu mua xe tải chở ULD năm 2024 thuộc dự án đầu tư xe tải chở ULD năm 2024/ <i>Approval of adjustment of the implementation schedule for the investment project and the procurement package for ULD transport trucks (2024) under the 2024 ULD transport truck investment project.</i> | 100%                                   |
| 7          | 07/NQ-HĐQT/NCTS                              | 20/3/2026     | Phê duyệt gia hạn thời gian họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>Approval of extending the time of the Annual General Meeting of Shareholders in 2026.</i>                                                                                                                                                                                                                 | 100%                                   |
| 8          | 08/NQ-HĐQT/NCTS                              | 26/3/2026     | Phê duyệt công tác nhân sự và bổ nhiệm cán bộ Tiểu ban Kiểm toán nội bộ/ <i>Approval of personnel and Appointment Matters for the Internal Audit Subcommittee.</i>                                                                                                                                                                                                       | 100%                                   |
| 9          | 09/NQ-HĐQT/NCTS                              | 22/4/2026     | Phê duyệt việc ban hành Quy chế mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách chi thường xuyên và các quy định liên quan của Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/ <i>Approval of the issuance of the Regulation on the procurement of goods and services using regular expenditure budgets and related regulations of Noi Bai Cargo Service Joint Stock Company.</i>      | 100%                                   |
| 10         | 10/NQ-HĐQT/NCTS                              | 06/5/2026     | Thông qua kế hoạch và nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>Approving of the plan and content of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                                                                                                                                                                                              | 100%                                   |



| Stt<br>No. | Số<br>Nghị<br>quyết/<br><i>Resolution<br/>Number</i> | Ngày/<br><i>Date</i> | Nội dung/ <i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ<br>thông qua<br><i>/Passage<br/>rate</i> |
|------------|------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 11         | 11/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 04/5/<br>2026        | Thông qua kết quả kiểm toán nội bộ năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026/ <i>Approving the results of internal audit in 2025 and operational plan in 2026.</i>                                                                                                                                | 100%                                           |
| 12         | 12/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 29/5/<br>2026        | Phê duyệt việc ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế đầu tư và đấu thầu Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/ <i>Approval of the issuance of the Financial Management Regulation and the Investment and Bidding Regulation of NoiBai Cargo Terminal Services Joint Stock Company.</i> | 100%                                           |
| 13         | 13/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 04/6/<br>2026        | Phê duyệt công tác nhân sự của HĐQT và BKS/ <i>Approval of personnel matters regarding the Board of Directors and the Supervisory Board.</i>                                                                                                                                                    | 100%                                           |
| 14         | 14/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 04/6/<br>2026        | Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>Convening the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                                                                                                                                                                         | 100%                                           |
| 15         | 15/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 04/6/<br>2026        | Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>Approval of matters to be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                                                                                                                         | 100%                                           |
| 16         | 16/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 22/6/<br>2026        | Thông qua các nội dung tham gia ĐHĐCĐ thường niên ALS năm 2026/ <i>Approval of agenda items for the 2026 ALS Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                                                                                                                        | 100%                                           |
| 17         | 17/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 25/6/<br>2026        | Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/ <i>Implementing the Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i>                                                                                                                                              | 100%                                           |
| 18         | 18/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 25/6/<br>2026        | Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030/ <i>Approval of the election of the Chairman of the Board of Directors for the 2025–2030 term.</i>                                                                                                                                  | 100%                                           |
| 19         | 19/NQ-<br>HĐQT/<br>NCTS                              | 25/6/<br>2026        | Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025/ <i>Approval of the 2025 dividend payment.</i>                                                                                                                                                                                                           | 100%                                           |

101  
 CỘNG  
 HÒA  
 VIỆT  
 NAM



## 5.2 Các quyết định của HĐQT/ Decisions of the Board of Directors:

| Stt<br>No | Số Quyết<br>định/<br>Decision<br>Number | Ngày/<br>Date  | Nội dung/ Content                                                                                                                                                                                                                          | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br>/Passage<br>rate |
|-----------|-----------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1         | 01/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 05/01/<br>2026 | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>                                                                                                                                                        | 100%                                      |
| 2         | 02/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 20/01/<br>2026 | Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương chức danh của người lao động trong Công ty năm 2026/ <i>Issuing of the salary scale and job-title-based salary schedule for the Company's employees for 2026.</i>                                | 100%                                      |
| 3         | 03/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 20/01/<br>2026 | Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương chức danh của người quản lý trong Công ty năm 2026/ <i>Issuing of the salary scale and salary schedule for managerial positions within the company for 2026.</i>                                 | 100%                                      |
| 4         | 04/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 21/01/<br>2026 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu mua Truckdock 20Ft năm 2025/ <i>Approval of the online contractor selection results for the 2025 procurement package for 20ft truck docks.</i>                                       | 100%                                      |
| 5         | 05/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 21/01/<br>2026 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án: đầu tư xe xúc nâng cao (Reach truck)/ <i>Approval of finalization of investment capital for completed project: investment in reach trucks,.</i>                                    | 100%                                      |
| 6         | 06/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 21/01/<br>2026 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án: đầu tư xe xúc nâng điện 2,5 tấn năm 2024/ <i>Approval of finalization of investment capital for completed project: investment in 2.5-ton electric forklifts (2024).</i>            | 100%                                      |
| 7         | 07/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 21/01/<br>2026 | Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành dự án: đầu tư kho lạnh bảo quản hàng hóa năm 2024 / <i>Approval of finalization of investment capital for completed projects: investment in a cold storage facility for goods (2024).</i> | 100%                                      |
| 8         | 08/QĐ-<br>HĐQT/                         | 13/02/<br>2026 | Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư và thời gian thực hiện gói thầu mua xe đầu kéo năm                                                                                                                                             | 100%                                      |

| Stt<br>No | Số Quyết<br>định/<br>Decision<br>Number | Ngày/<br>Date  | Nội dung/ Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br>/Passage<br>rate |
|-----------|-----------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|           | NCTS                                    |                | 2024 thuộc dự án đầu tư xe đầu kéo năm 2024/<br><i>Adjustment of the implementation schedule for the investment project and the procurement package for tractor trucks in 2024.</i>                                                                                                                                                                   |                                           |
| 9         | 09/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 26/02/<br>2026 | Thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty/<br><i>Stepping down as General Director of the Company.</i>                                                                                                                                                                                                                                                   | 100%                                      |
| 10        | 10/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 26/02/<br>2026 | Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty/<br><i>Appointment to the position of General Director of the Company.</i>                                                                                                                                                                                                                                     | 100%                                      |
| 11        | 11/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 26/02/<br>2026 | Thay đổi Người đại diện theo Pháp luật của Công ty/<br><i>Change of the Company's Legal Representative.</i>                                                                                                                                                                                                                                           | 100%                                      |
| 12        | 12/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 27/02/<br>2026 | Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đầu tư và thời gian thực hiện gói thầu mua xe tải chở ULD năm 2024 thuộc dự án đầu tư xe tải chở ULD năm 2024/<br><i>Adjustment of the implementation schedule for the investment project and the procurement package for ULD transport trucks (2024) under the 2024 ULD transport truck investment project.</i> | 100%                                      |
| 13        | 13/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 26/03/<br>2026 | Bổ nhiệm cán bộ/<br><i>Appointment of officials.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 100%                                      |
| 14        | 14/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 22/4/<br>2026  | Ban hành Quy chế mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách chi thường xuyên và các quy định liên quan của Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/<br><i>Issuing of the Regulation on the procurement of goods and services using regular expenditure budgets and related regulations of Noi Bai Cargo Service Joint Stock Company.</i>                | 100%                                      |
| 15        | 15/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 29/5/<br>2026  | Ban hành Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/<br><i>Issuing of the Financial Management Regulation of Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company.</i>                                                                                                                                                         | 100%                                      |
| 16        | 16/QĐ-<br>HĐQT/                         | 29/5/<br>2026  | Ban hành Quy chế đầu tư và đấu thầu Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài/<br><i>Issuing of the</i>                                                                                                                                                                                                                                                | 100%                                      |



| Stt<br>No | Số Quyết<br>định/<br>Decision<br>Number | Ngày/<br>Date | Nội dung/ Content                                                                               | Tỷ lệ<br>thông<br>qua<br>/Passage<br>rate |
|-----------|-----------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|           | NCTS                                    |               | <i>Investment and Bidding Regulation of NoiBai Cargo Terminal Services Joint Stock Company.</i> |                                           |
| 17        | 17/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 05/6/<br>2026 | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>             | 100%                                      |
| 18        | 18/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 24/6/<br>2026 | Cử cán bộ đi công tác nước ngoài/ <i>Sending staffs on overseas business trips.</i>             | 100%                                      |
| 19        | 19/QĐ-<br>HĐQT/<br>NCTS                 | 25/6/<br>2026 | Ban hành kế hoạch SXKD năm 2026/ <i>Issuing the 2026 production and business plan.</i>          | 100%                                      |

### III. Ban Kiểm soát (BKS)/ *Board of Supervisors*

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát/ *Information about members of Board of Supervisors:*

| Stt<br>No. | Thành viên<br>BKS/<br><i>Members of<br/>Board of<br/>Supervisors</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>              | Ngày bắt đầu/không còn<br>là thành viên BKS<br><i>The date becoming/<br/>ceasing to be the member<br/>of the Board of<br/>Supervisors</i> |                                                 | Trình độ chuyên môn/<br><i>Qualification</i>                                                          |
|------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                      |                                         | Ngày bắt<br>đầu/ <i>The<br/>date becoming</i>                                                                                             | Ngày miễn<br>nhiệm/ <i>The<br/>date ceasing</i> |                                                                                                       |
| 1          | Trần Mai<br>Hạnh                                                     | Trưởng<br>ban/ <i>Head<br/>of Board</i> | 20/6/2025                                                                                                                                 | -                                               | Cử nhân kinh tế, ngành<br>Tài chính - Tín dụng/<br><i>Bachelor of Economics,<br/>Finance - Credit</i> |
| 2          | Vũ Xuân<br>Mạnh                                                      | Thành viên/<br><i>Member</i>            | 25/6/2020                                                                                                                                 | -                                               | Thạc sỹ tổ chức và quản<br>lý vận tải/ <i>Master of<br/>Transport Organization<br/>and Management</i> |
| 3          | Phan Thị<br>Lan Hương                                                | Thành viên/<br><i>Member</i>            | 25/6/2026                                                                                                                                 | -                                               | Cử nhân kinh tế đối<br>ngoại/ <i>Bachelor of<br/>Foreign Economics</i>                                |
| 4          | Nguyễn<br>Văn Tân                                                    | Thành viên/<br><i>Member</i>            | 28/6/2023                                                                                                                                 | 25/6/2026                                       | Thạc sỹ quản trị kinh<br>doanh/ <i>Master of Business<br/>Administration</i>                          |

## 2. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát/ Meetings of Board of Supervisors:

| Stt.<br>No. | Thành viên BKS/<br><i>Members of Board<br/>of Supervisors</i> | Số buổi<br>tham dự<br>họp BKS<br><i>Number of<br/>attended<br/>meetings</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|-------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1           | Trần Mai Hạnh                                                 | 6/6                                                                         | 100%                                               | 100%                                      | -                                                            |
| 2           | Vũ Xuân Mạnh                                                  | 6/6                                                                         | 100%                                               | 100%                                      | -                                                            |
| 3           | Phan Thị Lan Hương                                            | 1/1                                                                         | 100%                                               | 100%                                      | -                                                            |
| 4           | Nguyễn Văn Tân                                                | 5/5                                                                         | 100%                                               | 100%                                      | -                                                            |

## 3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BGĐ điều hành và cổ đông/ *Supervisory activities of the Board of Supervisors for Board of Directors, Board of Directors and Shareholders:*

Trong 6 tháng đầu năm 2026, BKS đã tổ chức 06 buổi họp/làm việc tập trung để thực hiện chức trách và nhiệm vụ của BKS theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cụ thể: Thống nhất kế hoạch hoạt động 2026; thống nhất kết quả kiểm soát 2025; thống nhất nội dung báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026; miễn nhiệm thành viên BKS; đề cử ứng viên để ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 bầu làm thành viên BKS; phân công nhiệm vụ của BKS và triển khai thực hiện kế hoạch năm 2026 của BKS.

*During the first six months of 2026, the Board of Supervisors held six dedicated meetings/working sessions to discharge its duties and responsibilities in accordance with the Company's Charter and Internal Regulations on Corporate Governance. Specifically, the Board reached consensus on the 2026 operational plan, the results of supervisory activities for 2025, and the content of reports to be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders; addressed the dismissal of a Supervisory Board member and the nomination of candidates for election to the Board at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders; and assigned tasks and implemented the Board's 2026 plan.*

## 4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BGĐ điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, the Board of Directors, Board of Management and other managers:*

Trong 6 tháng đầu năm 2026, công tác phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác trong công ty được duy trì và thực hiện tốt. BKS đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty; luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT và



BGD trong việc thực thi nhiệm vụ. BGD và các cán bộ quản lý khác luôn tạo điều kiện và phối hợp tốt với BKS trên mọi hoạt động. Thành viên HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu theo yêu cầu của BKS. Chương trình, nội dung và dự thảo Biên bản các cuộc họp; Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được gửi tới BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT. Báo cáo của BGD và các thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động SXKD, báo cáo tài chính được gửi tới BKS kịp thời và đầy đủ.

*In the first 06 months of 2026, the coordination between the Board of Supervisors, the Board of Directors, the Board of Management and other managers in the company was maintained and performed well. The Board of Supervisors performed its functions, duties and powers as stipulated in the Company Charter and the Internal Regulations on Corporate Governance; always closely coordinated with the Board of Directors and the Board of Management in performing its duties. The Board of Directors and other managers always created favorable conditions and coordinated well with the Board of Supervisors in all activities. Members of the Board of Directors, the Board of Management and managers provide adequate information and documents as requested by the Board of Supervisors. Agendas, contents and draft meetings minutes; Resolutions and Decisions of the Board of Directors are sent to the Board of Supervisors at the same time as they are sent to members of the Board of Directors. Reports of the the Board of Management and information and documents about management, operation of production and business activities, financial reports are sent to the Board of Supervisors promptly and fully.*

#### **5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ Other activities of the Board of Supervisors (if any):**

BKS tham gia, báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 cũng như tham gia, có ý kiến tại các cuộc họp HĐQT theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

*The Board of Supervisors participated and reported at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders as well as participated and gave opinions at Board of Directors meetings in accordance with the provisions of law and the Company's Charter.*

#### **IV. Ban Điều hành/ Board of Management**

| Stt<br>No. | Thành viên<br>Ban điều hành<br><i>Members of<br/>Board of<br/>Management</i> | Ngày<br>tháng năm<br>sinh<br><i>Date of<br/>birth</i> | Trình độ<br>chuyên môn<br><i>Qualification</i> | Ngày bổ<br>nhiệm<br><i>Date of<br/>appointment</i> | Ngày<br>miễn<br>nhiệm<br><i>Date<br/>of ceasing</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|

|   |                  |            |                                                                  |            |           |
|---|------------------|------------|------------------------------------------------------------------|------------|-----------|
| 1 | Trần Việt Phương | 31/12/1974 | Cử nhân tài chính<br><i>Bachelor of Finance</i>                  | 01/3/2026  |           |
| 2 | Nguyễn Duy Việt  | 02/10/1978 | Cử nhân tài chính<br><i>Bachelor of Finance</i>                  | 01/01/2023 | 01/3/2026 |
| 3 | Đinh Trọng Sơn   | 22/02/1969 | Thạc sỹ kinh tế<br><i>Master of Economics</i>                    | 01/10/2010 |           |
| 4 | Nguyễn Quốc Hưng | 21/06/1969 | Cử nhân kinh tế<br><i>Bachelor of Economics</i>                  | 02/6/2017  |           |
| 5 | Nguyễn Việt Dũng | 10/7/1976  | Kỹ sư cơ khí hàng không/<br><i>Aerospace Mechanical Engineer</i> | 15/8/2022  |           |

#### V. Kế toán trưởng/*Chief Accountant*

| Stt<br>No | Họ và tên<br>Name | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ<br>chuyên môn nghiệp vụ/<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment |
|-----------|-------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 1         | Hồ Xuân Hiếu      | 18/5/1976                               | Cử nhân kinh tế<br><i>Bachelor of Economics</i>    | 01/8/2024                            |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance:*

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD điều hành, Thư ký Công ty và cán bộ quản lý khác đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, General Director, other managers and secretary in accordance with regulations on corporate governance.*

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company)*

##### 1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company:*

Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm/ *Details in attached Appendix 01.*



2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:*

Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm/ *Details in attached Appendix 01.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:*

Không phát sinh/ *Does not arise.*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects:*

4.1 Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

*Transactions between the Company and another company in which a member of the Board of Directors and Board of Supervisors, the General Director, or another manager has served - or is currently serving - as a founding member, a member of the Board of Directors, or the General Director (CEO) within the past three (03) years (calculated as of the reporting date).*

Không phát sinh/ *Does not arise.*

4.2 Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác là thành viên HĐQT, TGD điều hành

*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and other managers as a member of Board of Directors, General Director.*

Không phát sinh/ *Does not arise.*

4.3 Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác

*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, General Director and other managers.*

Không phát sinh/ *Does not arise.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ/**  
***Share transactions of internal persons and their affiliated persons***

**1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ /List of insiders and related persons of insiders:**

Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm/ *Details in attached Appendix 03.*

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company:**

Không phát sinh/ *Does not arise.*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues**

Không có/ *None./.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ *As above;*
- HĐQT và BKS/BOD & BOS; ☒
- Lưu/Archived: Văn thư/ *Clerical.*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD OF  
DIRECTORS**



*Nguyễn Duy Việt*



VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính công ty/ The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company)  
1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the Company:

| Số/No. | Tên cá nhân/Tổ chức<br>(Name of Individual/Organization) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)                                                                 | Số giấy NSH<br>(CMND/CCCD/Hộ chiếu/<br>GCNĐKDN)<br>(identification Number (ID Card/Citizen ID/Passport/Business ID)) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>(Date of Becoming a Related Party) | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party) | Lý do (Reason)                                              | Mối quan hệ đối với người nội bộ<br>(Relationship with Insider) |
|--------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1      | 2                                                        | 3                                                                                 | 4                                                                                                                | 5                                                                                                                    | 6                               | 7                               | 8                                                                                   | 9                                                                             | 10                                                                                   | 11                                                          | 12                                                              |
| 1      | Nguyễn Duy Việt                                          |                                                                                   | Chủ tịch HĐQT<br>(Chairman of the BOD)                                                                           |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 01/01/2023                                                                    |                                                                                      |                                                             |                                                                 |
| 2      | Trần Việt Phương                                         |                                                                                   | TV HĐQT/ TGB/ Người đại diện theo PL<br>(Member of the Board of Directors/General Director/Legal Representative) |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 01/03/2026                                                                    |                                                                                      |                                                             |                                                                 |
| 3      | Nguyễn Giang Tiến                                        | 021C211451                                                                        | Thành viên HĐQT<br>(Member of the Board of Directors)                                                            |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 11/03/2005                                                                    |                                                                                      |                                                             |                                                                 |
| 4      | Nguyễn Thanh Dương                                       | 009C126341                                                                        | Thành viên HĐQT<br>(Member of the Board of Directors)                                                            |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 26/04/2017                                                                    |                                                                                      |                                                             |                                                                 |
| 5      | Vũ Thành Đạt                                             |                                                                                   | Thành viên HĐQT<br>(Member of the Board of Directors)                                                            |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 20/06/2025                                                                    |                                                                                      |                                                             |                                                                 |
| 6      | Trần Mai Hành                                            |                                                                                   | Trưởng BKS<br>(Head of BOS)                                                                                      |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 20/06/2025                                                                    |                                                                                      |                                                             |                                                                 |
| 7      | Vũ Xuân Mạnh                                             |                                                                                   | Thành viên BKS<br>(Member of BOS)                                                                                |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 25/06/2020                                                                    |                                                                                      |                                                             |                                                                 |
| 8      | Nguyễn Văn Tấn                                           |                                                                                   | Thành viên BKS<br>(Member of BOS)                                                                                |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 28/06/2023                                                                    | 25/06/2026                                                                           | Đón xin từ nhiệm<br>(Letter of Resignation)                 |                                                                 |
| 9      | Phan Thị Lan Hương                                       |                                                                                   | Thành viên BKS<br>(Member of BOS)                                                                                |                                                                                                                      |                                 |                                 |                                                                                     | 25/06/2026                                                                    |                                                                                      | Tham gia BKS<br>(Participation in the Board of Supervisors) |                                                                 |

| Stt/<br>No. | Tên cá nhân/Tổ chức<br>(Name of<br>Individual/Organization)     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Trading<br>Account<br>if any) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)                                                                          | Số giấy NSH<br>(CMND/CCCD/<br>Hộ chiếu/<br>G/CNĐKĐN)<br>(Identification<br>Number (ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/Bu<br>siness | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên quan<br>(Date of<br>Becoming a<br>Related Party) | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>(Date of<br>Ceasing to<br>Be a<br>Related<br>Party) | Lý do (Reason) | Mối quan hệ đối với người<br>nội bộ<br>(Relationship with Insider)                                |
|-------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | 2                                                               | 3                                                                                                    | 4                                                                                                                         | 5                                                                                                                                 | 6                               | 7                               | 8                                                                                   | 9                                                                                         | 10                                                                                                        | 11             | 12                                                                                                |
| 10          | Đình Trọng Sơn                                                  | 018C1053<br>15                                                                                       | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)                                                                            |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 01/05/2005                                                                                |                                                                                                           |                |                                                                                                   |
| 11          | Nguyễn Quốc Hưng                                                |                                                                                                      | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)                                                                            |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 02/06/2017                                                                                |                                                                                                           |                |                                                                                                   |
| 12          | Nguyễn Việt Dũng                                                |                                                                                                      | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)                                                                            |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 25/06/2020                                                                                |                                                                                                           |                |                                                                                                   |
| 13          | Hồ Xuân Hiếu                                                    |                                                                                                      | Kế toán trưởng / Người trực<br>tư quyền công bố thông tin<br>(Chief<br>Accountant/Authorized<br>Director for Information) |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 15/04/2023                                                                                |                                                                                                           |                |                                                                                                   |
| 14          | Nguyễn Thị Hồng Phương                                          | 105C2429<br>89 TBS<br>001C1839<br>89 BYS                                                             | Thư ký Công ty<br>(Company Secretary)                                                                                     |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 15/06/2015                                                                                |                                                                                                           |                |                                                                                                   |
| 15          | Tổng công ty Hàng không<br>Việt Nam - CTCP                      |                                                                                                      | Tổ chức<br>(Organization)                                                                                                 |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 01/05/2005                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty mẹ<br>(Parent Company)                                                                    |
| 16          | CN - TCTHK VN - Công ty<br>Bay DV Hàng không                    |                                                                                                      | Tổ chức<br>(Organization)                                                                                                 |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 11/07/2014                                                                                |                                                                                                           |                | Chi nhánh của<br>Công ty mẹ<br>(Branch of the Parent<br>Company)                                  |
| 17          | Công ty CP Hàng không<br>Pacific Airlines                       |                                                                                                      | Tổ chức<br>(Organization)                                                                                                 |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 01/05/2005                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty cùng<br>Công ty mẹ (Subsidiary of<br>the Parent Company)                                  |
| 18          | Công ty CP Dịch vụ Hàng<br>không sân bay Việt Nam<br>(Nasco)    |                                                                                                      | Tổ chức<br>(Organization)                                                                                                 |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 05/04/2006                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con của Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                               |
| 19          | Công ty CP Giao nhận Hàng<br>hỏa NASCO                          |                                                                                                      | Tổ chức<br>(Organization)                                                                                                 |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 22/01/2016                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con<br>của Nasco (Subsidiary of<br>Nasco)                                                 |
| 20          | Công ty TNHH MTV Dịch vụ<br>mặt đất Sân bay Việt Nam<br>(Viags) |                                                                                                      | Tổ chức<br>(Organization)                                                                                                 |                                                                                                                                   |                                 |                                 |                                                                                     | 01/01/2016                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con của Công ty mẹ<br>Công ty cùng<br>Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company) |



| Stt/<br>No. | Tên cá nhân/Tổ chức<br>(Name of<br>Individual/Organization)          | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Account<br>if any) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Số giấy NSH<br>(CMND/CCCD/<br>Hộ chiếu/<br>GCNĐKDN)<br>(Identification<br>Number (ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/Bu<br>siness<br>ID)) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên quan<br>(Date of<br>Becoming a<br>Related Party) | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>(Date of<br>Ceasing to<br>Be a<br>Related<br>Party) | Lý do (Reason) | Mối quan hệ đối với người<br>nội bộ<br>(Relationship with Insider)                                            |
|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | 2                                                                    | 3                                                                                         | 4                                                | 5                                                                                                                                        | 6                               | 7                               | 8                                                                                   | 9                                                                                         | 10                                                                                                        | 11             | 12                                                                                                            |
| 21          | Công ty TNHH MTV Dịch vụ<br>mặt đất Sân bay Việt Nam -<br>CN Nội Bài |                                                                                           | Tổ chức<br>(Organization)                        |                                                                                                                                          |                                 |                                 |                                                                                     | 01/11/2016                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con<br>của Viags (Subsidiary of<br>Viags)                                                             |
| 22          | Công ty TNHH MTV Kỹ<br>thuật máy bay (VAECO)                         |                                                                                           | Tổ chức<br>(Organization)                        |                                                                                                                                          |                                 |                                 |                                                                                     | 02/04/2008                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con của Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                           |
| 23          | Công ty TNHH Dịch vụ giao<br>nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất<br>(TECS)    |                                                                                           | Tổ chức<br>(Organization)                        |                                                                                                                                          |                                 |                                 |                                                                                     | 05/05/2006                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con của Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                           |
| 24          | Công ty CP Suất ăn Hàng<br>không Nội Bài                             |                                                                                           | Tổ chức<br>(Organization)                        |                                                                                                                                          |                                 |                                 |                                                                                     | 01/05/2005                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con của Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                           |
| 25          | Công ty CP Tín học Viễn<br>thông Hàng không                          |                                                                                           | Tổ chức<br>(Organization)                        |                                                                                                                                          |                                 |                                 |                                                                                     | 11/11/2008                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con của Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                           |
| 26          | Công ty TNHH Giao nhận<br>hàng hóa VINAKO                            |                                                                                           | Tổ chức<br>(Organization)                        |                                                                                                                                          |                                 |                                 |                                                                                     | 17/01/2007                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty con của Công ty mẹ                                                                                    |
| 27          | Công ty CP Xuất nhập khẩu<br>Hàng không                              |                                                                                           | Tổ chức<br>(Organization)                        |                                                                                                                                          |                                 |                                 |                                                                                     | 18/05/2006                                                                                |                                                                                                           |                | Công ty liên doanh, liên kết<br>của Công ty mẹ<br>(Joint Ventures and<br>Associates of the Parent<br>Company) |

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the

| No. | Tên cá nhân/Tổ chức<br>(Name of Individual/Organization)                                                                             | Mối quan hệ liên quan với Công ty<br>(Relationship with the Company)                               | Số giấy NSH<br>(CMND/CCCD/Hộ<br>chiếu/ GCNĐKDN)<br>Number (ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/Business<br>Registration<br>Certificate) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of<br>Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact<br>Address) | Thời điểm giao<br>dịch với Công<br>ty<br>(Time of<br>Transaction<br>with the<br>Company) | Nghị quyết,<br>Quyết định<br>của HĐQT/<br>(Resolutions<br>and Decisions<br>of the General<br>Meeting of<br>Shareholders/<br>Board of<br>Directors) | Nội dung giao dịch<br>(Transaction Details)                                                       | Giá trị giao dịch<br>(đồng)<br>(Transaction Value<br>(VND)) | Ghi chú<br>(Notes) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | 2                                                                                                                                    | 3                                                                                                  | 4                                                                                                                                     | 5                               | 6                                  | 7                                                                                      | 8                                                                                        | 9                                                                                                                                                  | 10                                                                                                | 11                                                          | 12                 |
| 1   | Tổng công ty Hàng không Việt Nam -<br>CTCP/Vietnam Airlines JSC                                                                      | Công ty mẹ<br>(Parent Company)                                                                     |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Bán hàng hóa, dịch vụ<br>(Sale of Goods and<br>Services)                                          | 33.261.557.079                                              |                    |
| 2   | CN - TCTHK VN - Công ty Bay DV Hàng<br>không/Branch - Vietnam Airlines Corporation -<br>Vietnam Air Service Company                  | Chi nhánh của<br>Công ty mẹ<br>(Branch of the Parent<br>Company)                                   |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Bán hàng hóa, dịch vụ<br>(Sale of Goods and<br>Services)                                          | -                                                           |                    |
| 3   | Công ty CP Hàng không Pacific Airlines/Pacific<br>Airlines Joint Stock Aviation Company                                              | Công ty cùng<br>Công ty mẹ (Subsidiary of the<br>Parent Company)                                   |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Bán hàng hóa, dịch vụ<br>(Sale of Goods and<br>Services)                                          |                                                             |                    |
| 4   | Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Việt<br>Nam (Nasco)/ Vietnam Airport Services Joint<br>Stock Company                           | Công ty cùng Công ty mẹ. Cổ<br>đồng lớn (Subsidiary of the<br>Parent Company/Major<br>Shareholder) |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Mua dịch vụ<br>(Purchase of Services)                                                             | 1.880.758.326                                               |                    |
| 5   | Công ty CP Giao nhận Hàng hóa NASCO/Nasco<br>Logistics Joint Stock Company                                                           | Công ty con<br>của Nasco (Subsidiary of<br>Nasco)                                                  |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Bán hàng hóa, dịch vụ<br>(Purchase of Services)                                                   | 2.996.708.532                                               |                    |
| 6   | Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay<br>Việt Nam (Viags - TCT)/Vietnam Airport<br>Ground Services Company Limited                | Công ty cùng<br>Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Mua dịch vụ<br>(Purchase of Services)                                                             | 1.525.556.400                                               |                    |
| 7   | Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay<br>Việt Nam - CN Nội Bài/Vietnam Airport Ground<br>Services Company Limited- Noi Bai Branch | Chi nhánh<br>của Viags - TCT<br>(Branch of Subsidiary of the<br>Parent Company)                    |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Mua dịch vụ<br>(Purchase of Services)                                                             | 182.662.400                                                 |                    |
| 8   | Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay<br>(VAECO)/Vietnam Airlines Engineering<br>Company Limited                                         | Công ty cùng<br>Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Bán hàng hóa, dịch vụ<br>(Sale of Goods and<br>Services)                                          | 9.446.880                                                   |                    |
| 9   | Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân<br>Sơn Nhất (TECS)/Tan Son Nhut Cargo Services<br>And Forwarding Co., Ltd                | Công ty cùng<br>Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026                                                                      | (*)                                                                                                                                                | Bán hàng hóa, dịch vụ<br>(Sale of Goods and<br>Services)                                          | 85.650.165                                                  |                    |
| 10  | Công ty CP Sản phẩm Hàng không Nội Bài/Noi Bai<br>Catering Services Joint Stock Company                                              | Công ty cùng<br>Công ty mẹ<br>(Subsidiary of the Parent<br>Company)                                |                                                                                                                                       |                                 | Việt Nam<br>(Vietnam)              |                                                                                        | 6 tháng năm<br>2026<br>6 tháng năm<br>2026                                               | (*)<br>(*)                                                                                                                                         | Bán hàng hóa, dịch vụ<br>(Sale of Goods and<br>Services)<br>Mua dịch vụ<br>(Purchase of Services) | 54.377.372<br>-                                             |                    |

| No. | Tên cá nhân/Tổ chức<br>(Name of Individual/Organization)                                                 | Mối quan hệ liên quan với Công ty<br>(Relationship with the Company)                              | Số giấy NSH<br>(CMND/CCCD/Hộ chiếu/ GCNDKDN)<br>(Identification Number (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Thời điểm giao dịch với Công ty<br>(Time of Transaction with the Company) | Nghị quyết, Quyết định của HĐQT/<br>(Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders/ Board of | Nội dung giao dịch<br>(Transaction Details)                                                                            | Giá trị giao dịch<br>(đồng)<br>(Transaction Value (VND)) | Ghi chú<br>(Notes) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|
| 11  | Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không/Aviation Information And Telecommunications Joint Stock Company | Công ty cùng Công ty mẹ (Subsidiary of the Parent Company)                                        |                                                                                                                                         |                                 | Việt Nam (Vietnam)              |                                                                                     | 6 tháng năm 2026                                                          | (*)                                                                                                             | Mua dịch vụ (Purchase of Services)                                                                                     | -                                                        |                    |
| 12  | Công ty CP Xuất nhập khẩu Hàng không/General Aviation Import Export Joint Stock Company                  | Công ty liên doanh, liên kết của Công ty mẹ (Joint Ventures and Associates of the Parent Company) |                                                                                                                                         |                                 | Việt Nam (Vietnam)              |                                                                                     | 6 tháng năm 2026                                                          | (*)                                                                                                             | Bán hàng hóa, dịch vụ (Sale of Goods and Services)<br>Ứng trước hợp đồng mua TSCĐ (Advances for fixed asset purchases) | 20.116.566<br>-                                          |                    |

Ghi chú: (\*) Thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT/NCTS ngày 19/10/2022 về chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

Note: (\*) Pursuant to Resolution No. 17/NQ-HĐQT/NCTS dated October 19, 2022 regarding the approval of contracts and transactions between the Company and its related







PHỤ LỤC 02/Appendix No. 02  
DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (CÁ NHÂN, TỔ CHỨC) ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ (THE LIST OF INSIDERS AND PERSONS RELATED TO INSIDERS (INDIVIDUALS AND ORGANIZATIONS))  
(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026)/(Attached to the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2026)

Mã chứng khoán (Securities Code): NCT  
Tên Công ty: Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NỘI BÀI)  
Ngày chốt: 27/05/2026/Record date: 27th May 2026

|      | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)  | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/Hộ chiếu/<br>GDNDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/<br>Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue)                                                                                           | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address)                                    | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>( Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chú chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |    |
|------|----------------------------|----------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----|
| 1    | 2                          | 3                    | 4                                                | 5                                                              | 6                                                                                                                                                | 7                                      | 8                               | 9                                                                                                                         | 10                                                                                                                  | 11                                                                               | 12                                                                                         | 13                                                                                                            | 14                                                                                                                   | 15                                                                                           | 16                                                               | 17 |
| 1    | NCT                        | Nguyễn Duy Việt      | Chủ tịch HĐQT<br>(Chairman of the BOD)           | Người nội bộ<br>(Insider)                                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             | 001078005344                           | 22/07/2024                      | Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội<br>(The Police Department on Administrative Management of Social Order) | 100 Ngõ 84, Phố Ngạc Khánh, Phường Giảng Võ, Hà Nội<br>(No. 100, Alley 84, Ngạc Khanh Street, Giang Vo Ward, Hanoi) | 300                                                                              | 0,0011465%                                                                                 | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |
| 1.01 | NCT                        | Bùi Minh Trang       |                                                  | Vợ<br>(Wife)                                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                            | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |
| 1.02 | NCT                        | Nguyễn Hồng Vinh     |                                                  | Bố đẻ<br>(Father)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                            | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |
| 1.03 | NCT                        | Nguyễn Thị Kim Yến   |                                                  | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                            | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |
| 1.04 | NCT                        | Nguyễn Nam Khánh     |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                            | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |
| 1.05 | NCT                        | Nguyễn Ngọc Châu Anh |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                            | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |
| 1.06 | NCT                        | Bùi Hữu Thủy         |                                                  | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                            | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |
| 1.07 | NCT                        | Nguyễn Thị Đình      |                                                  | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                                                                                                           |                                                                                                                     |                                                                                  |                                                                                            | 01/01/2023                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |    |

| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)                                                                    | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>(Type of ID/Passport/ Business Registration Certificate) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insiders) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có sự NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 2            | NCT                        | Trần Việt Phương    |                                                                                   | TV, HĐQT/ TGB/ Người đại diện theo PL<br>(Member of the Board of Directors/ General Director/ Legal Representative) | Người nội bộ<br>(Insider)                                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/03/2026                                                                                                     |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.01         | NCT                        | Đoàn Thị Thanh Cúc  |                                                                                   |                                                                                                                     | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                              | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.02         | NCT                        | Đỗ Quang Hiệp       |                                                                                   |                                                                                                                     | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                       | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.03         | NCT                        | Lê Thị Kim Thanh    |                                                                                   |                                                                                                                     | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                       | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.04         | NCT                        | Đỗ Diệu Linh        |                                                                                   |                                                                                                                     | Vợ<br>(Wife)                                                   | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.05         | NCT                        | Trần Linh Như       |                                                                                   |                                                                                                                     | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.06         | NCT                        | Trần Việt Hưng      |                                                                                   |                                                                                                                     | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.07         | NCT                        | Trần Việt Hùng      |                                                                                   |                                                                                                                     | Em ruột<br>(Younger brother)                                   | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 2.08         | NCT                        | Đỗ Quang Huy        |                                                                                   |                                                                                                                     | Em vợ (Younger brother-in-law)                                 | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                                |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |

| SĐT (No.) | Mã CK (Security Code) | Họ và tên (Name)                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)      | Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider) | Loại hình NSH (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GPKDN) (Type of Owner Identification ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate) | Số giấy NSH (Identification Number) | Ngày cấp NSH (Date of Issue) | Nơi cấp NSH (Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes)                 |
|-----------|-----------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 3         | NCT                   | Nguyễn Giang Tiến                                     | 021C211451                                                             | Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors) | Người nội bộ (Insider)                                      | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               | 17.745                                                                       | 0,06781%                                                                                | 11/03/2005                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.01      | NCT                   | Nguyễn Thị Hoàng Yến                                  |                                                                        |                                                    | Vợ (Wife)                                                   | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 11/03/2005                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.02      | NCT                   | Nguyễn Vinh                                           |                                                                        |                                                    | Father (deceased)                                           |                                                                                                                                          |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         |                                                                                                            |                                                                                                                   |                                                                                           | Đã mất (Deceased)                                                             |
| 3.03      | NCT                   | Trịnh Thị Hằng Quý                                    |                                                                        |                                                    | Mother (deceased)                                           |                                                                                                                                          |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         |                                                                                                            |                                                                                                                   |                                                                                           | Đã mất (Deceased)                                                             |
| 3.04      | NCT                   | Nguyễn Hoàng Giang                                    |                                                                        |                                                    | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 11/03/2005                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.05      | NCT                   | Nguyễn Bảo Giang                                      |                                                                        |                                                    | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 11/03/2005                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.06      | NCT                   | Nguyễn Trinh Lê                                       |                                                                        |                                                    | Chị ruột (Elder sister)                                     | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 11/03/2005                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.07      | NCT                   | Nguyễn Hòa Bình                                       |                                                                        |                                                    | Em ruột (Younger brother)                                   | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 11/03/2005                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.08      | NCT                   | Nguyễn Việt Phan                                      |                                                                        |                                                    | Bà vợ (đã mất) (Father-in-law (deceased))                   |                                                                                                                                          |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         |                                                                                                            |                                                                                                                   |                                                                                           | Đã mất (Deceased)                                                             |
| 3.09      | NCT                   | Nguyễn Thủy Yên                                       |                                                                        |                                                    | Mẹ vợ (đã mất) (Mother-in-law (deceased))                   |                                                                                                                                          |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         |                                                                                                            |                                                                                                                   |                                                                                           | Đã mất (Deceased)                                                             |
| 3.10      | NCT                   | Nguyễn Thị Phương Thảo                                |                                                                        |                                                    | Con dâu (Daughter-in-law)                                   | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 11/03/2005                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.11      | NCT                   | Nguyễn Thị Bích Nga                                   |                                                                        |                                                    | Em dâu (Younger sister-in-law)                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 11/03/2006                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                               |
| 3.12      | NCT                   | Công ty cổ phần Tiếp vận và Vận tải ngoại thương Việt |                                                                        |                                                    | Tổ chức có liên quan (Related Organization)                 | ĐKKD (Business Registration Certificate)                                                                                                 |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 12/03/2009                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           | Là Tổng Giám đốc từ 18/12/2013 (the General Director since December 18, 2013) |



| Stt<br>(No.) | Mã<br>CK<br>(Securities<br>Code) | Họ và tên<br>(Name)             | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Trading<br>Account<br>(if any)) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(Position at<br>the Company)         | Mối quan hệ với<br>người nội bộ<br>(Relationship with<br>an Insider) | Loại hình<br>NSH<br>(CMND/<br>CCCD/ Hộ<br>chiếu/<br>GBKDN)<br>(Type of<br>Owner<br>Identification<br>ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification<br>Number) | Ngày cấp<br>NSH<br>(Date of<br>Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>( Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of<br>shares owned at the<br>end of the period)<br>(%) | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan của<br>người nội bộ<br>(Date of Becoming a<br>Related Party of<br>the Insider) | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan của<br>người nội bộ<br>(Date of Ceasing<br>to Be a Related<br>Party of the<br>Insider) | Lý do thay đổi<br>liên quan đến<br>mục 14 và 15<br>(Reason for<br>Changes Related<br>to Items 14 and<br>15) | Chú chú (về việc không<br>có số NSH và các ghi<br>chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 3.13         | NCT                              | Công ty cổ phần ALS Đông Hà Nội |                                                                                                              |                                                                | Tổ chức có liên<br>quan<br>(Related<br>Organization)                 | ĐKKD<br>(Business<br>Registration<br>Certificate)                                                                                                                                    |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 01/10/2012                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             | Là Chủ tịch HĐQT<br>(Chairman of the Board)                            |
| 4            | NCT                              | Nguyễn Thanh Dương              | 009C12<br>6341                                                                                               | Thành viên<br>HĐQT<br>(Member of<br>the Board of<br>Directors) | Người nội bộ<br>(Insider)                                            | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.01         | NCT                              | Trần Thị Kim Anh                |                                                                                                              |                                                                | Vợ<br>(Wife)                                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.02         | NCT                              | Nguyễn Thế Quang                |                                                                                                              |                                                                | Bố đẻ<br>(Father)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.03         | NCT                              | Nguyễn Thị Đang                 |                                                                                                              |                                                                | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.04         | NCT                              | Nguyễn Thế Đức                  |                                                                                                              |                                                                | Con đẻ<br>(Child)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.05         | NCT                              | Nguyễn Thế Bảo                  |                                                                                                              |                                                                | Con đẻ<br>(Child)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.06         | NCT                              | Nguyễn Thế Lưu                  |                                                                                                              |                                                                | Em ruột<br>(Younger brother)                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.07         | NCT                              | Đỗ Thu Trang                    |                                                                                                              |                                                                | Em dâu<br>(Younger sister-in-<br>law)                                | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.08         | NCT                              | Trần Hữu Ân                     |                                                                                                              |                                                                | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                             | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |
| 4.09         | NCT                              | Lê Thị Ly                       |                                                                                                              |                                                                | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                             | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                              |                                                                                                        | 26/04/2017                                                                                                                   |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                        |

| Số   | Mã CK (Security Code) | Họ và tên (Name)    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty (Position at the Company)      | Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider) | Loại hình NSH (CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN) (Type of Owner Identification ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate) | Số giấy NSH (Identification Number) | Ngày cấp NSH (Date of Issue) | Nơi cấp NSH (Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chi chú (nếu việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes) |
|------|-----------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 5    | NCT                   | Vũ Thành Đạt        |                                                                        | Thành viên HĐQT (Member of the Board of Directors) | Người nội bộ (Insider)                                      | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               | 7                                                                            | 0,00003%                                                                                | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | Tham gia TV.HĐQT (Serve as a member of the Board of Directors)                            |                                                                |
| 5.01 | NCT                   | Trần Thị Liên Hương |                                                                        |                                                    | Vợ (Wife)                                                   | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                |
| 5.02 | NCT                   | Vũ Đức Nguyễn       |                                                                        |                                                    | Bố đẻ (Father)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                |
| 5.03 | NCT                   | Phạm Thị Phương Mai |                                                                        |                                                    | Mẹ đẻ (Mother)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                |
| 5.04 | NCT                   | Vũ Khánh Linh       |                                                                        |                                                    | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                |
| 5.05 | NCT                   | Vũ Đức Thành        |                                                                        |                                                    | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                |
| 5.06 | NCT                   | Vũ Phương Cúc       |                                                                        |                                                    | Em ruột (Younger sister)                                    | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                |
| 5.07 | NCT                   | Hoàng Quang Tiến    |                                                                        |                                                    | Em rể (Younger brother-in-law)                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    | Đã mất (Deceased)                                              |
| 5.08 | NCT                   | Vũ Quang Đại        |                                                                        |                                                    | Em ruột (Younger brother)                                   | CCCD (Citizen ID)                                                                                                                        |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 20/06/2025                                                                                       |                                                                                                         | NLQ tham gia HĐQT (A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                |

| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>(Type of Owner Identification ID)<br>Card/Citizen ID/Passport/ Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>( Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period)<br>(%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chú chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 5.09         | NCT                        | Nguyễn Thị Bình     |                                                                           |                                                  | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia HĐQT<br>(A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                  |
| 5.10         | NCT                        | Vũ Ngọc Châu        |                                                                           |                                                  | Em ruột<br>(Younger sister)                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia HĐQT<br>(A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                  |
| 5.11         | NCT                        | Vũ Hải Hà           |                                                                           |                                                  | Em rể<br>(Younger brother-in-law)                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia HĐQT<br>(A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                  |
| 5.12         | NCT                        | Trần Mạnh Tiếp      |                                                                           |                                                  | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia HĐQT<br>(A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                  |
| 5.13         | NCT                        | Nguyễn Thị Kim Liên |                                                                           |                                                  | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia HĐQT<br>(A related person serving on the Board of Directors)                    |                                                                  |
| 6            | NCT                        | Trần Mai Hạnh       |                                                                           | Trưởng BKS<br>(Head of BOS)                      | Người nội bộ<br>(Insider)                                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 8                                                                                | 0,00003%                                                                                      | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | Tham gia BKS<br>(Participation in the Board of Supervisors)                                  |                                                                  |
| 6.01         | NCT                        | Hoàng Đồng Hải      |                                                                           |                                                  | Con trai<br>(Son)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia BKS<br>(A related person serving on the Board of Supervisors)                   |                                                                  |
| 6.02         | NCT                        | Hoàng Linh Chi      |                                                                           |                                                  | Con gái<br>(Daughter)                                          | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia BKS<br>(A related person serving on the Board of Supervisors)                   |                                                                  |
| 6.03         | NCT                        | Trần Vĩnh Hiền      |                                                                           |                                                  | Bố<br>(Father)                                                 | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                 |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                  |                                                                                               | 20/06/2025                                                                                                    |                                                                                                                      | NLQ tham gia BKS<br>(A related person serving on the Board of Supervisors)                   |                                                                  |



| Stt<br>(No.) | Mã<br>CK<br>(Securities<br>Code) | Họ và tên<br>(Name) | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Account<br>(if any)) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(Position at<br>the Company) | Mối quan hệ với<br>người nội bộ<br>(Relationship with<br>an Insider) | Loại hình<br>NSH<br>(CMND/<br>CCCD/ Hộ<br>chiếu/<br>GBKDN)<br>(Type of<br>Owner<br>Identification<br>ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate)) | Số giấy/NSH<br>(Identification<br>Number) | Ngày cấp<br>NSH<br>(Date of<br>Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>(Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of<br>shares owned at the<br>end of the period)<br>(%) | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan nội bộ<br>(Date of<br>Becoming a<br>Related Party of<br>the Insider) | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan nội bộ<br>(Date of Ceasing<br>to Be a Related<br>Party of the<br>Insider) | Lý do thay đổi<br>liên quan đến<br>mục 14 và 15<br>(Reason for<br>Changes Related<br>to Items 14 and<br>15) | Chi chú (về việc không<br>có số NSH và các ghi<br>chú khác)<br>(Notes)    |
|--------------|----------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 6.04         | NCT                              | Đỗ Thị Phê          |                                                                                                   |                                                        | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 20/06/2025                                                                                                         |                                                                                                                           | NLQ tham gia<br>BKS<br>(A related<br>person serving<br>on the Board of<br>Supervisors)                      |                                                                           |
| 6.05         | NCT                              | Trần Hồng Văn       |                                                                                                   |                                                        | Em ruột<br>(Younger sister)                                          | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 20/06/2025                                                                                                         |                                                                                                                           | NLQ tham gia<br>BKS<br>(A related<br>person serving<br>on the Board of<br>Supervisors)                      |                                                                           |
| 6.06         | NCT                              | Trần Hiếu           |                                                                                                   |                                                        | Em ruột<br>(Younger brother)                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 20/06/2025                                                                                                         |                                                                                                                           | NLQ tham gia<br>BKS<br>(A related<br>person serving<br>on the Board of<br>Supervisors)                      |                                                                           |
| 7            | NCT                              | Vũ Xuân Mạnh        |                                                                                                   | Thành viên<br>BKS<br>(Member of<br>BOS)                | Người nội bộ<br>(Insider)                                            | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                         |                                                                                                                           |                                                                                                             |                                                                           |
| 7.01         | NCT                              | Vũ Xuân Vững        |                                                                                                   |                                                        | Bố đẻ<br>(Father)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                         |                                                                                                                           |                                                                                                             |                                                                           |
| 7.02         | NCT                              | Vũ Thị Hải          |                                                                                                   |                                                        | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                         |                                                                                                                           |                                                                                                             |                                                                           |
| 7.03         | NCT                              | Hoàng Thị Thảo      |                                                                                                   |                                                        | Vợ<br>(Wife)                                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                         |                                                                                                                           |                                                                                                             | Còn nhỏ, chưa có CCCD<br>(Underage and does not<br>yet have a Citizen ID) |
| 7.04         | NCT                              | Vũ Gia Kiệt         |                                                                                                   |                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                         |                                                                                                                           |                                                                                                             |                                                                           |
| 7.05         | NCT                              | Vũ Thảo Trinh       |                                                                                                   |                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                         |                                                                                                                           |                                                                                                             |                                                                           |
| 7.06         | NCT                              | Vũ Xuân Tùng        |                                                                                                   |                                                        | Em ruột<br>(Younger brother)                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                         |                                                                                                                           |                                                                                                             |                                                                           |

| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>(Type of Owner Identification ID)<br>Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chú chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes)                           |
|--------------|----------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.07         | NCT                        | Hoàng Văn Minh                                |                                                                           |                                                  | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2020                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                            |
| 7.08         | NCT                        | Nguyễn Thị Đệ                                 |                                                                           |                                                  | Me vợ<br>(Mother-in-law)                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2020                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                            |
| 7.09         | NCT                        | Nguyễn Thị Hoa                                |                                                                           |                                                  | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2020                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                            |
| 7.10         | NCT                        | Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài |                                                                           |                                                  | Tổ chức có liên quan<br>(Related Organization)                 | ĐKKD<br>(Business Registration Certificate)                                                                                                        |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/01/2019                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              | Là Trưởng ban Thư ký Công ty từ 01/01/2019<br>(the Company Secretariat on January 1, 2019) |
| 8            | NCT                        | Nguyễn Văn Tân                                |                                                                           | Thành viên BKS<br>(Member of BOS)                |                                                                | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 28/06/2023                                                                                                    | 25/06/2026                                                                                                           |                                                                                              |                                                                                            |
| 8.01         | NCT                        | Nguyễn Văn Thanh                              |                                                                           |                                                  | Bố đẻ<br>(Father)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 28/06/2023                                                                                                    | 25/06/2026                                                                                                           |                                                                                              |                                                                                            |
| 8.02         | NCT                        | Nguyễn Thị Quý                                |                                                                           |                                                  | Me đẻ<br>(Mother)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 28/06/2023                                                                                                    | 25/06/2026                                                                                                           |                                                                                              |                                                                                            |
| 8.03         | NCT                        | Nguyễn Văn Tiến                               |                                                                           |                                                  | Em ruột<br>(Younger brother)                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 28/06/2023                                                                                                    | 25/06/2026                                                                                                           |                                                                                              |                                                                                            |
| 8.04         | NCT                        | Nguyễn Phương Nhi                             |                                                                           |                                                  | Em ruột<br>(Younger sister)                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 28/06/2023                                                                                                    | 25/06/2026                                                                                                           |                                                                                              |                                                                                            |
| 9            | NCT                        | Phan Thị Lan Hương                            |                                                                           | Thành viên BKS<br>(Member of the BOS)            |                                                                | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                            |
| 9.01         | NCT                        | Bùi Thế Công                                  |                                                                           |                                                  | Chồng                                                          | CCCD                                                                                                                                               |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                            |

| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GPKDN)<br>(Type of ID/Passport/ Business Registration Certificate) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chú chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes)                            |
|--------------|----------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.02         | NCT                        | Phan Quốc Hùng       |                                                                                   |                                                  | Bố đẻ                                                          | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 9.03         | NCT                        | Đoàn Thị Hạnh        |                                                                                   |                                                  | Mẹ đẻ                                                          | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 9.04         | NCT                        | Bùi Đức Long         |                                                                                   |                                                  | Bố chồng                                                       | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 9.05         | NCT                        | Vũ Thị Bắc           |                                                                                   |                                                  | Mẹ chồng                                                       | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 9.06         | NCT                        | Bùi Tuấn Minh        |                                                                                   |                                                  | Con trai                                                       | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 9.07         | NCT                        | Bùi Bảo Châu         |                                                                                   |                                                  | Con gái                                                        | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 9.08         | NCT                        | Bùi Linh Đan         |                                                                                   |                                                  | Con gái                                                        | Giấy khai sinh                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 9.09         | NCT                        | Phan Diệu Linh       |                                                                                   |                                                  | Em gái                                                         | CCCD                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2026                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 10           | NCT                        | Đinh Trọng Sơn       | 018C105315                                                                        | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)   | Người nội bộ<br>(Insider)                                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 10.500                                                                          | 0,04013%                                                                                   | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 10.01        | NCT                        | Trần Nguyễn Hợp Châu | 018C100570                                                                        |                                                  | Vợ<br>(Wife)                                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                             |
| 10.02        | NCT                        | Đinh Trọng Hiến      |                                                                                   |                                                  | Bố đẻ<br>(Father)                                              | CMND<br>(ID Card)                                                                                          |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              | Ông đã lớn tuổi không làm lại CCCD<br>(The elderly person has not renewed their Citizen ID) |



| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>(Type of ID Owner Identification) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes)                                    |
|--------------|----------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10.03        | NCT                        | Hồ Thị Quy             |                                                                           |                                                  | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                              | CMND<br>(ID Card)                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              | Ông/ Bà/ Người lớn tuổi không làm lại CCCD<br>(The elderly person has not renewed their Citizen ID) |
| 10.04        | NCT                        | Đình Châu Giang        |                                                                           |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.05        | NCT                        | Đình Trọng Khai Nguyễn |                                                                           |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.06        | NCT                        | Đình Trọng Toàn        |                                                                           |                                                  | Anh ruột<br>(Elder brother)                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.07        | NCT                        | Đình Viết Thắng        |                                                                           |                                                  | Anh ruột<br>(Elder brother)                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.08        | NCT                        | Đình Thi Quế           |                                                                           |                                                  | Chị ruột<br>(Elder sister)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.09        | NCT                        | Đình Thi Hà            |                                                                           |                                                  | Chị ruột<br>(Elder sister)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.10        | NCT                        | Đình Trọng Hải         |                                                                           |                                                  | Em ruột<br>(Younger brother)                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.11        | NCT                        | Đình Trọng Lang        |                                                                           |                                                  | Em ruột<br>(Younger brother)                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.12        | NCT                        | Đình Trọng Long        |                                                                           |                                                  | Em ruột<br>(Younger brother)                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |
| 10.13        | NCT                        | Hồ Sơn                 |                                                                           |                                                  | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                                     |

| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GPKDN)<br>(Type of Owner Identification ID)<br>Card/Citizen ID/Passport/ Business Registration Certificate) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes)                              |
|--------------|----------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10.14        | NCT                        | Hồ Thị Quế           | 026C108768                                                                        |                                                  | Chị dâu<br>(Elder sister-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 10.15        | NCT                        | Hồ Thị Đồng          | 058C855789                                                                        |                                                  | Chị dâu<br>(Elder sister-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 10.16        | NCT                        | Hồ Thị Thủy          | 026C113568                                                                        |                                                  | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 10.17        | NCT                        | Hồ Thị Hải           |                                                                                   |                                                  | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 01/05/2005                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 10.18        | NCT                        | Trần Thị Thu Hiền    | 003C113353                                                                        |                                                  | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 7                                                                               | 0,00003%                                                                                   | 01/05/2005                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 10.19        | NCT                        | Trần Hữu Bảo         |                                                                                   |                                                  | Bố vợ (đã mất)<br>(Father-in-law (deceased))                   |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                     |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 10.20        | NCT                        | Nguyễn Thị Thanh Hào |                                                                                   |                                                  | Mẹ vợ (đã mất)<br>(Mother-in-law (deceased))                   |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                     |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 11           | NCT                        | Nguyễn Quốc Hưng     |                                                                                   | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)   | Người nội bộ<br>(Insider)                                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 11.01        | NCT                        | Nguyễn Thắng         |                                                                                   |                                                  | Bố (đã mất)<br>(Father (deceased))                             |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                     |                                                                                                            |                                                                                              | Ông/ Bà/ Ông tuổi không làm lại CCCD<br>(The elderly person has not renewed their Citizen ID) |
| 11.02        | NCT                        | Đào Thị Vy           |                                                                                   |                                                  | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                              | CMND<br>(ID Card)                                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |
| 11.03        | NCT                        | Phạm Thị Kim Thu     |                                                                                   |                                                  | Vợ<br>(Wife)                                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                          |                                                                                                            |                                                                                              |                                                                                               |

| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>(Type of Owner Identification ID)<br>Card/Citizen ID/Passport/ Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reasons for Changes Related to Items 14 and 15) | Ghi chú (nếu việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 11.04        | NCT                        | Nguyễn Minh Hiệp     |                                                                           |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 11.05        | NCT                        | Nguyễn Thu Phương    |                                                                           |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 11.06        | NCT                        | Nguyễn Thị Minh Yến  |                                                                           |                                                  | Chi ruột<br>(Elder sister)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 11.07        | NCT                        | Nguyễn Thu Bích Ngọc |                                                                           |                                                  | Chi ruột<br>(Elder sister)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 11.08        | NCT                        | Nguyễn Quang Sơn     |                                                                           |                                                  | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 11.09        | NCT                        | Lê Hồng Tiến         |                                                                           |                                                  | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 11.10        | NCT                        | Nguyễn Thị Tâm       |                                                                           |                                                  | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 02/06/2017                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 11.11        | NCT                        | Phạm Đăng Ty         |                                                                           |                                                  | Bố vợ (đã mất)<br>(Father-in-law (deceased))                   |                                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                               |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 12           | NCT                        | Nguyễn Việt Dũng     |                                                                           | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)   | Người nội bộ<br>(Insider)                                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2020                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 12.01        | NCT                        | Đàm Thu Thu Dung     |                                                                           |                                                  | Vợ<br>(Wife)                                                   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                           |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 25/06/2020                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                               |                                                                   |
| 12.02        | NCT                        | Nguyễn Việt Cường    |                                                                           |                                                  | Bố đẻ (đã mất)<br>(Father (deceased))                          |                                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                               |                                                                                                                      |                                                                                               | Đã mất<br>(Deceased)                                              |



| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Security<br>ties<br>Code) | Họ và tên<br>(Name)    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Trading<br>Account<br>(if any)) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(Position at<br>the Company)                                                                   | Mối quan hệ với<br>người nội bộ<br>(Relationship with<br>an Insider) | Loại hình<br>NSH<br>(CMND/<br>CCCD/ Hộ<br>chiếu/<br>GP/KDN)<br>(Type of<br>Owner<br>Identification<br>ID)<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification<br>Number) | Ngày cấp<br>NSH<br>(Date of<br>Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>(Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of<br>shares owned at the<br>end of the period)<br>(%) | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan của<br>người nội bộ<br>(Date of<br>Becoming a<br>Related Party of<br>the Insider) | Thời điểm không<br>còn là người có<br>liên quan của<br>người nội bộ<br>(Date of Ceasing<br>to Be a Related<br>Party of the<br>Insider) | Lý do thay đổi<br>liên quan đến<br>mục 14 và 15<br>(Reason for<br>Changes Related<br>to Items 14 and<br>15) | Chi chú (nếu việc không<br>có số NSH và các ghi<br>chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|-------------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 12.03        | NCT                                 | Đinh Thị Nhuận         |                                                                                                        |                                                                                                                          | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.04        | NCT                                 | Nguyễn Việt Anh        |                                                                                                        |                                                                                                                          | Con đẻ<br>(Child)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.05        | NCT                                 | Nguyễn Ngọc Minh       |                                                                                                        |                                                                                                                          | Con đẻ<br>(Child)                                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.06        | NCT                                 | Nguyễn Việt Hưng       |                                                                                                        |                                                                                                                          | Anh ruột<br>(Elder brother)                                          | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.07        | NCT                                 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt |                                                                                                        |                                                                                                                          | Chị ruột<br>(Elder sister)                                           | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.08        | NCT                                 | Đàm Thanh Hòa          |                                                                                                        |                                                                                                                          | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                             | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.09        | NCT                                 | Vũ Thị Tu              |                                                                                                        |                                                                                                                          | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                             | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.10        | NCT                                 | Nguyễn Đức Lý          |                                                                                                        |                                                                                                                          | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 12.11        | NCT                                 | Nguyễn Thị Tuyết       |                                                                                                        |                                                                                                                          | Chị dâu<br>(Elder sister-in-law)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 25/06/2020                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |
| 13           | NCT                                 | Hồ Xuân Hiếu           |                                                                                                        | Kế toán trưởng/ Người được ủy quyền công bố thông tin<br>(Chief Accountant/Authorized Person for Information Disclosure) |                                                                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | 15/04/2023                                                                                                                      |                                                                                                                                        |                                                                                                             |                                                                         |

| Số    | Mã CK (Securities Code) | Họ và tên (Name)       | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) (Securities Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty (Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ (Relationship with an Insider) | Loại hình NSH (CMND/ Hộ chiếu/ GBKDN) (Type of Owner Identification ID Card/Passport/Business Registration Certificate) | Số giấy NSH (Identification Number) | Ngày cấp NSH (Date of Issue) | Nơi cấp NSH (Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ (Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ (Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ (Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15 (Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác) (Notes) |
|-------|-------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 13.01 | NCT                     | Phạm Văn Thọ           |                                                                        |                                               | Chồng (Husband)                                             | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.02 | NCT                     | Hồ Viết Ba             |                                                                        |                                               | Bố đẻ (đã mất) (Father (deceased))                          | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.03 | NCT                     | Nguyễn Thị Thái        |                                                                        |                                               | Mẹ đẻ (đã mất) (Mother)                                     | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.04 | NCT                     | Phạm Hương Giang       |                                                                        |                                               | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.05 | NCT                     | Phạm Anh Thư           |                                                                        |                                               | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.06 | NCT                     | Phạm Thủy Chi          |                                                                        |                                               | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.07 | NCT                     | Phạm Đăng Khôi         |                                                                        |                                               | Con đẻ (Child)                                              | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.08 | NCT                     | Phạm Văn Thanh         |                                                                        |                                               | Bố chồng (Father-in-law)                                    | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.09 | NCT                     | Nguyễn Thị Dung        |                                                                        |                                               | Mẹ chồng (Mother-in-law)                                    | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.10 | NCT                     | Hồ Xuân Cường          |                                                                        |                                               | Anh ruột (đã mất) (Elder brother (deceased))                | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 13.11 | NCT                     | Bùi Thị Hoi            |                                                                        |                                               | Chị dâu (Elder sister-in-law)                               | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               |                                                                              |                                                                                         | 15/04/2023                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |
| 14    | NCT                     | Nguyễn Thị Hồng Phương | 105C24 2989 TBS 001C18 3989 BVS                                        | Thư ký Công ty/ Company Secretary             | Người nội bộ (Insider)                                      | CCCD (Citizen ID)                                                                                                       |                                     |                              |                              |                                                                               | 1                                                                            | 0,000004%                                                                               | 15/06/2015                                                                                                 |                                                                                                                   |                                                                                           |                                                               |

| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification ID)<br>(Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chú thích (nếu việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes)                          |
|--------------|----------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14.01        | NCT                        | Cù Thanh Tiến        |                                                                                   |                                                  | Chồng (đã mất)<br>(Husband (deceased))                         |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              | Đã mất<br>(Deceased)                                                                         |
| 14.02        | NCT                        | Cù Thu Hà            |                                                                                   |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                              |
| 14.03        | NCT                        | Cù Nam Khánh         |                                                                                   |                                                  | Con đẻ<br>(Child)                                              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                              |
| 14.04        | NCT                        | Cù Chính Nghệ        |                                                                                   |                                                  | Bố chồng<br>(Father-in-law)                                    | CMND<br>(ID Card)                                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              | Ông /bà lớn tuổi không làm lại CCCD<br>(The elderly person has not renewed their Citizen ID) |
| 14.05        | NCT                        | Cù Thị Thương        |                                                                                   |                                                  | Mẹ chồng (đã mất)<br>(Mother-in-law (deceased))                |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              | Đã mất<br>(Deceased)                                                                         |
| 14.06        | NCT                        | Nguyễn Khắc Khai     |                                                                                   |                                                  | Bố đẻ (đã mất)<br>(Father (deceased))                          |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                               |                                                                                                                      |                                                                                              | Đã mất<br>(Deceased)                                                                         |
| 14.07        | NCT                        | Khuyết Thu Nhân      |                                                                                   |                                                  | Mẹ đẻ (đã mất)<br>(Mother (deceased))                          |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                                               |                                                                                                                      |                                                                                              | Đã mất<br>(Deceased)                                                                         |
| 14.08        | NCT                        | Nguyễn Thị Hương     |                                                                                   |                                                  | Chị ruột<br>(Elder sister)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                              |
| 14.09        | NCT                        | Nguyễn Thị Minh Ngọc |                                                                                   |                                                  | Chị ruột<br>(Elder sister)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                              |
| 14.10        | NCT                        | Nguyễn Quốc Anh      |                                                                                   |                                                  | Anh ruột<br>(Elder brother)                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                                              |



| Stt<br>(No.) | Mã CK<br>(Securities Code) | Họ và tên<br>(Name)                     | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Mối quan hệ với người nội bộ<br>(Relationship with an Insider) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Becoming a Related Party of the Insider) | Thời điểm không còn là người có liên quan của người nội bộ<br>(Date of Ceasing to Be a Related Party of the Insider) | Lý do thay đổi liên quan đến mục 14 và 15<br>(Reason for Changes Related to Items 14 and 15) | Chú chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 14.11        | NCT                        | Nguyễn Thị Minh Nguyệt                  | 021C115104                                                                                 |                                                  | Chị ruột<br>(Elder sister)                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 1.440                                                                           | 0,005509%                                                                                  | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 14.12        | NCT                        | Nguyễn Quốc Cường                       |                                                                                            |                                                  | Anh ruột<br>(Elder brother)                                    | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 14.13        | NCT                        | Lê Đăng Dung                            |                                                                                            |                                                  | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 14.14        | NCT                        | Vũ Văn Hiến                             |                                                                                            |                                                  | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 14.15        | NCT                        | Đặng Vũ Sơn                             |                                                                                            |                                                  | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 14.16        | NCT                        | Nguyễn Thị Anh Nga                      |                                                                                            |                                                  | Chị dâu<br>(Elder sister-in-law)                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | 15/06/2015                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |
| 15           | NCT                        | Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP |                                                                                            |                                                  | Công ty mẹ của Tổ chức niêm yết                                | ĐKKD<br>(Business Registration Certificate)                                                                                            |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 14.425.401                                                                      | 55,12835%                                                                                  | 01/05/2005                                                                                                    |                                                                                                                      |                                                                                              |                                                                  |



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY/Corporate Governance Report**  
Kỳ: 6 tháng đầu năm 2026/For the first 6 months of 2026

VIII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và người có liên quan của công ty với chính công ty/ The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons  
1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ The list of internal persons and their affiliated persons/Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Chi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1            | 2                   | 3                                                                                 | 4                                                | 5                                                                                                                                                | 6                                      | 7                               | 8                               | 9                                                                                | 10                                                                              | 11                                                                                         | 12                                                               |
| 1            | Nguyễn Duy Việt     |                                                                                   | Chủ tịch HĐQT<br>(Chairman of the BOD)           | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 300                                                                             | 0,0011465%                                                                                 | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |
| 1.01         | Bùi Minh Trang      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Vợ<br>(Wife)                                                     |
| 1.02         | Nguyễn Hồng Vinh    |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố đẻ<br>(Father)                                                |
| 1.03         | Nguyễn Thị Kim Yến  |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Me đẻ<br>(Mother)                                                |
| 1.04         | Nguyễn Nam Khánh    |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)                                                                    | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GBKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1.05         | Nguyễn Ngọc Châu Anh |                                                                                   |                                                                                                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 1.06         | Bùi Hữu Thủy         |                                                                                   |                                                                                                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                         |
| 1.07         | Nguyễn Thị Định      |                                                                                   |                                                                                                                     | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                         |
| 2            | Trần Việt Phương     |                                                                                   | TV.HĐQT/<br>TGB/ Người đại diện theo PL<br>(Member of the Board of Directors/General Director/Legal Representative) | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |
| 2.01         | Đoàn Thị Thanh Cúc   |                                                                                   |                                                                                                                     | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Me đẻ<br>(Mother)                                                |
| 2.02         | Đỗ Quang Hiệp        |                                                                                   |                                                                                                                     | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                         |



| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)      | Loại hình NSH<br>(CMND/Hộ chiếu/GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 2.03         | Lê Thị Kim Thanh    |                                                                                   |                                                       | CCCD                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                         |
| 2.04         | Đỗ Diệu Linh        |                                                                                   |                                                       | CCCD                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Vợ<br>(Wife)                                                     |
| 2.05         | Trần Linh Nhi       |                                                                                   |                                                       | CCCD                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 2.06         | Trần Việt Hưng      |                                                                                   |                                                       | CCCD                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 2.07         | Trần Việt Hùng      |                                                                                   |                                                       | CCCD                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 2.08         | Đỗ Quang Huy        |                                                                                   |                                                       | CCCD                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em vợ (Younger brother-in-law)                                   |
| 3            | Nguyễn Giang Tiến   | 021C211451                                                                        | Thành viên HĐQT<br>(Member of the Board of Directors) | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 17.745                                                                          | 0,06781 %                                                                                  | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GPKDN)<br>(Type of Owner Identification ID)<br>Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 3.01         | Nguyễn Thị Hoàng Yến   |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Vợ<br>(Wife)                                                     |
| 3.02         | Nguyễn Vinh            |                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Father (deceased)                                                |
| 3.03         | Trình Thị Hằng Quý     |                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mother (deceased)                                                |
| 3.04         | Nguyễn Hoàng Giang     |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 3.05         | Nguyễn Bảo Giang       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 3.06         | Nguyễn Trinh Lê        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chị ruột<br>(Elder sister)                                       |
| 3.07         | Nguyễn Hòa Bình        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 3.08         | Nguyễn Viết Phan       |                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố vợ (đã mất)<br>Father-in-law (deceased)                       |
| 3.09         | Nguyễn Thủy Yên        |                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ vợ (đã mất)<br>Mother-in-law                                  |
| 3.10         | Nguyễn Thị Phương Tháo |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con dâu<br>(Daughter-in-law)                                     |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)                                   | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)      | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 3.11         | Nguyễn Thị Bích Nga                                   |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                                |
| 3.12         | Công ty cổ phần Tiếp vận và Vận tải ngoại thương Việt |                                                                                   |                                                       | ĐKKD<br>(Business Registration Certificate)                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Tổ chức có liên quan<br>(Related Organization)                   |
| 3.13         | Công ty cổ phần ALS Đông Hà Nội                       |                                                                                   |                                                       | ĐKKD<br>(Business Registration Certificate)                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Tổ chức có liên quan<br>(Related Organization)                   |
| 4            | Nguyễn Thanh Dương                                    | 009C126341                                                                        | Thành viên HĐQT<br>(Member of the Board of Directors) | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |
| 4.01         | Trần Thị Kim Anh                                      |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Vợ<br>(Wife)                                                     |
| 4.02         | Nguyễn Thế Quang                                      |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố đẻ<br>(Father)                                                |
| 4.03         | Nguyễn Thị Đang                                       |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                |



| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)      | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 4.04         | Nguyễn Thế Đức      |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 4.05         | Nguyễn Thế Bảo      |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 4.06         | Nguyễn Thế Lưu      |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 4.07         | Đỗ Thu Trang        |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                                |
| 4.08         | Trần Hữu Ấn         |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                         |
| 4.09         | Lê Thị Ly           |                                                                                   |                                                       | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                         |
| 5            | Vũ Thành Đạt        |                                                                                   | Thành viên HĐQT<br>(Member of the Board of Directors) | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 7                                                                               | 0,00003%                                                                                   | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Trading<br>Account<br>(if any)) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(Position at<br>the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/<br>CCCD/Hộ<br>chiếu/<br>GĐKDN)<br>(Type of<br>Owner<br>Identification<br>(ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/B<br>usiness<br>Registration<br>Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification<br>Number) | Ngày cấp<br>NSH<br>(Date of<br>Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>(Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of<br>shares owned at the<br>end of the period)<br>(%) | Ghi chú (về việc không<br>có số NSH và các ghi<br>chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 5.01         | Trần Thị Liên Hương |                                                                                                     |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Vợ<br>(Wife)                                                           |
| 5.02         | Vũ Đức Nguyên       |                                                                                                     |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Bố đẻ<br>(Father)                                                      |
| 5.03         | Phạm Thị Phương Mai |                                                                                                     |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                      |
| 5.04         | Vũ Khánh Linh       |                                                                                                     |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                      |
| 5.05         | Vũ Đức Thành        |                                                                                                     |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                      |
| 5.06         | Vũ Phương Cúc       |                                                                                                     |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Em ruột<br>(Younger sister)                                            |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/Hộ chiếu/GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period)<br>(%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 5.07         | Hoàng Quang Tiến    |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em rể<br>(Younger brother-in-law)                                |
| 5.08         | Vũ Quang Đại        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 5.09         | Nguyễn Thị Bình     |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                                |
| 5.10         | Vũ Ngọc Châu        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em ruột<br>(Younger sister)                                      |
| 5.11         | Vũ Hải Hà           |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em rể<br>(Younger brother-in-law)                                |
| 5.12         | Trần Mạnh Tiếp      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                         |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 5.13         | Nguyễn Thị Kim Liên |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                         |
| 6            | Trần Mai Hạnh       |                                                                                   | Trưởng BKS<br>(Head of BOS)                      | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 8                                                                               | 0,00003%                                                                                   | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |
| 6.01         | Hoàng Đông Hải      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con trai<br>(Son)                                                |
| 6.02         | Hoàng Linh Chi      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con gái<br>(Daughter)                                            |
| 6.03         | Trần Vinh Hiện      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố<br>(Father)                                                   |
| 6.04         | Đỗ Thị Phê          |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                |



| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 6.05         | Trần Hồng Văn       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em ruột<br>(Younger sister)                                      |
| 6.06         | Trần Hiếu           |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 7            | Vũ Xuân Mạnh        |                                                                                   | Thành viên BKS<br>(Member of Board)              | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |
| 7.01         | Vũ Xuân Vững        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố đẻ<br>(Father)                                                |
| 7.02         | Vũ Thị Hải          |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                |
| 7.03         | Hoàng Thị Tháo      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Vợ<br>(Wife)                                                     |
| 7.04         | Vũ Gia Kiệt         |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)                           | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification ID)<br>Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period)<br>(%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 7.05         | Vũ Thảo Trinh                                 |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 7.06         | Vũ Xuân Tùng                                  |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 7.07         | Hoàng Văn Minh                                |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                         |
| 7.08         | Nguyễn Thị Đề                                 |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                         |
| 7.09         | Nguyễn Thị Hoa                                |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                                |
| 7.10         | Công ty CP Dịch vụ Hàng không sân bay Nội Bài |                                                                                   |                                                  | ĐKKD<br>(Business Registration Certificate)                                                                                                         |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Tổ chức có liên quan<br>(Related Organization)                   |
| 8            | Nguyễn Văn Tân                                |                                                                                   | Thành viên BKS<br>(Member of BOS)                | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               |                                                                  |
| 8.01         | Nguyễn Văn Thanh                              |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Bố đẻ<br>(Father)                                                |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 8.02         | Nguyễn Thị Quý      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                |
| 8.03         | Nguyễn Văn Tiến     |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 8.04         | Nguyễn Phương Nhi   |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em ruột<br>(Younger sister)                                      |
| 9            | Phan Thi Lan Hương  |                                                                                   | Thành viên BKS<br>(Member of the BOS)            | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            |                                                                  |
| 9.01         | Bùi Thế Công        |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chồng                                                            |
| 9.02         | Phan Quốc Hùng      |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố đẻ                                                            |
| 9.03         | Đoàn Thị Hạnh       |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ                                                            |
| 9.04         | Bùi Đức Long        |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố chồng                                                         |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 9.05         | Vũ Thị Bắc           |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Me chồng                                                         |
| 9.06         | Bùi Tuấn Minh        |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con trai                                                         |
| 9.07         | Bùi Bảo Châu         |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con gái                                                          |
| 9.08         | Bùi Linh Đan         |                                                                                   |                                                  | Giấy khai sinh                                                                                                                                   |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con gái                                                          |
| 9.09         | Phan Diệu Linh       |                                                                                   |                                                  | CCCD                                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Em gái                                                           |
| 10           | Đinh Trọng Sơn       | 018C105315                                                                        | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 10.500                                                                          | 0,04013%                                                                                   | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |
| 10.01        | Trần Nguyễn Hợp Châu | 018C100570                                                                        |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Vợ<br>(Wife)                                                     |
| 10.02        | Đinh Trọng Hiền      |                                                                                   |                                                  | CMND<br>(ID Card)                                                                                                                                |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố đẻ<br>(Father)                                                |



| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/<br>CCCD/Hộ chiếu/<br>GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 10.03        | Hồ Thị Quy             |                                                                                   |                                                  | CMND<br>(ID Card)                                                                                                                                     |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                |
| 10.04        | Đinh Châu Giang        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                  |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 10.05        | Đinh Trọng Khải Nguyễn |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                  |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 10.06        | Đinh Trọng Toàn        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                  |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Anh ruột<br>(Elder brother)                                      |
| 10.07        | Đinh Viết Thắng        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                  |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Anh ruột<br>(Elder brother)                                      |
| 10.08        | Đinh Thị Quế           |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                  |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chị ruột<br>(Elder sister)                                       |
| 10.09        | Đinh Thị Hà            |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                  |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chị ruột<br>(Elder sister)                                       |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period)<br>(%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 10.10        | Đình Trọng Hải      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 10.11        | Đình Trọng Lang     |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 10.12        | Đình Trọng Long     |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em ruột<br>(Younger brother)                                     |
| 10.13        | Hồ Sơn              |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                 |
| 10.14        | Hồ Thị Quế          | 026C108768                                                                        |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Chi dẫu<br>(Elder sister-in-law)                                 |
| 10.15        | Hồ Thị Đồng         | 058C855789                                                                        |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Chi dẫu<br>(Elder sister-in-law)                                 |
| 10.16        | Hồ Thị Thúy         | 026C113568                                                                        |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Em dẫu<br>(Younger sister-in-law)                                |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Trading<br>Account<br>(if any)) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(Position at<br>the Company)  | Loại hình NSH<br>(CMND/<br>CCCD/Hộ<br>chiếu/<br>GĐKDN)<br>(Type of<br>Owner<br>Identification<br>(ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/B<br>usiness<br>Registration<br>Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification<br>Number) | Ngày cấp<br>NSH<br>(Date of<br>Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>(Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of<br>shares owned at the<br>end of the period)<br>(%) | Ghi chú (về việc không<br>có số NSH và các ghi<br>chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 10.17        | Hồ Thị Hải           |                                                                                                        |                                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                                      |
| 10.18        | Trần Thị Thu Hiền    | 003C113<br>353                                                                                         |                                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  | 7                                                                                           | 0,00003%                                                                                               | Em dâu<br>(Younger sister-in-law)                                      |
| 10.19        | Trần Hữu Bảo         |                                                                                                        |                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Bố vợ (đã mất)<br>(Father-in-law (deceased))                           |
| 10.20        | Nguyễn Thị Thanh Hào |                                                                                                        |                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Mẹ vợ (đã mất)<br>(Mother-in-law<br>(deceased))                        |
| 11           | Nguyễn Quốc Hưng     |                                                                                                        | Phó Tổng<br>Giám đốc<br>(Deputy<br>General<br>Director) | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Người nội bộ<br>(Insider)                                              |
| 11.01        | Nguyễn Thắng         |                                                                                                        |                                                         |                                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Bố (đã mất)<br>(Father (deceased))                                     |
| 11.02        | Đào Thị Vy           |                                                                                                        |                                                         | CMND<br>(ID Card)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                      |
| 11.03        | Phạm Thị Kim Thu     |                                                                                                        |                                                         | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Vợ<br>(Wife)                                                           |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Trading<br>Account<br>(if any)) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(Position at<br>the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/<br>CCCD/ Hộ<br>chiếu/<br>GPKDN)<br>(Type of<br>Owner<br>Identification<br>ID)<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/B<br>usiness<br>Registration<br>Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification<br>Number) | Ngày cấp<br>NSH<br>(Date of<br>Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>(Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of<br>shares owned at the<br>end of the period)<br>(%) | Ghi chú (về việc không<br>có số NSH và các ghi<br>chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 11.04        | Nguyễn Minh Hiệp     |                                                                                                        |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                               |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                      |
| 11.05        | Nguyễn Thu Phương    |                                                                                                        |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                               |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                      |
| 11.06        | Nguyễn Thị Minh Yến  |                                                                                                        |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                               |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Chị ruột<br>(Elder sister)                                             |
| 11.07        | Nguyễn Thị Bích Ngọc |                                                                                                        |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                               |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Chị ruột<br>(Elder sister)                                             |
| 11.08        | Nguyễn Quang Sơn     |                                                                                                        |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                               |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                       |
| 11.09        | Lê Hồng Tiến         |                                                                                                        |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                               |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                       |
| 11.10        | Nguyễn Thị Tám       |                                                                                                        |                                                        | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                               |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Me vợ<br>(Mother-in-law)                                               |
| 11.11        | Phạm Đăng Ty         |                                                                                                        |                                                        |                                                                                                                                                                                    |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Bố vợ (đã mất)<br>(Father-in-law<br>(deceased)                         |



| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GPKDN)<br>(Type of Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 12           | Nguyễn Việt Dũng       |                                                                                   | Phó Tổng Giám đốc<br>(Deputy General Director)   | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Người nội bộ<br>(Insider)                                        |
| 12.01        | Đàm Thị Thu Dung       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Vợ<br>(Wife)                                                     |
| 12.02        | Nguyễn Việt Cường      |                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                            |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố đẻ (đã mất)<br>(Father (deceased))                            |
| 12.03        | Đinh Thị Nhuận         |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ<br>(Mother)                                                |
| 12.04        | Nguyễn Việt Anh        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 12.05        | Nguyễn Ngọc Minh       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 12.06        | Nguyễn Việt Hùng       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Anh ruột<br>(Elder brother)                                      |
| 12.07        | Nguyễn Thị Minh Nguyệt |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                       |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chị ruột<br>(Elder sister)                                       |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company)                                                              | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period)<br>(%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 12.08        | Đàm Thanh Hòa       |                                                                                   |                                                                                                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Bố vợ<br>(Father-in-law)                                         |
| 12.09        | Vũ Thị Tư           |                                                                                   |                                                                                                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Mẹ vợ<br>(Mother-in-law)                                         |
| 12.10        | Nguyễn Đức Lý       |                                                                                   |                                                                                                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                 |
| 12.11        | Nguyễn Thị Tuyết    |                                                                                   |                                                                                                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Chị dâu<br>(Elder sister-in-law)                                 |
| 13           | Hồ Xuân Hiếu        |                                                                                   | Kế toán trưởng/ Người được ủy quyền công bố thông tin<br>(Chief Accountant/Authorized Person for Information) | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               |                                                                  |
| 13.01        | Phạm Văn Tho        |                                                                                   |                                                                                                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Chồng<br>(Husband)                                               |
| 13.02        | Hồ Viết Bá          |                                                                                   |                                                                                                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Bố đẻ (đã mất)<br>(Father (deceased))                            |
| 13.03        | Nguyễn Thị Thái     |                                                                                   |                                                                                                               | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Mẹ đẻ (đã mất)<br>(Mother (deceased))                            |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name) | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 13.04        | Phạm Hương Giang    |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 13.05        | Phạm Anh Thư        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 13.06        | Phạm Thùy Chi       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 13.07        | Phạm Đăng Khôi      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Con đẻ<br>(Child)                                                |
| 13.08        | Phạm Văn Thanh      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Bố chồng<br>(Father-in-law)                                      |
| 13.09        | Nguyễn Thị Dung     |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ chồng<br>(Mother-in-law)                                      |
| 13.10        | Hồ Xuân Cường       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Anh ruột (đã mất)<br>(Elder brother (deceased))                  |
| 13.11        | Bùi Thị Hoir        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chị dâu<br>(Elder sister-in-law)                                 |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>(Securities<br>Trading<br>Account<br>(if any)) | Chức vụ tại<br>Công ty<br>(Position at<br>the Company)                     | Loại hình NSH<br>(CMND/<br>CCCD/Hộ<br>chiếu/<br>GĐKDN)<br>(Type of<br>Owner<br>Identification<br>(ID<br>Card/Citizen<br>ID/Passport/B<br>usiness<br>Registration<br>Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification<br>Number) | Ngày cấp<br>NSH<br>(Date of<br>Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>(Number of<br>shares owned<br>at the end of<br>the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of<br>shares owned at the<br>end of the period<br>(%)) | Ghi chú (về việc không<br>có số NSH và các ghi<br>chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| 14           | Nguyễn Thị Hồng Phương | 105C24<br>2989<br>TBS<br>001C18<br>3989<br>R/S                                                         | Thư ký Công<br>ty/<br>TV.TBKTNB<br>(Company<br>Secretary/Me<br>mber of the | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  | 1                                                                                           | 0,000004%                                                                                              | Người nội bộ<br>(Insider)                                              |
| 14.01        | Cù Thanh Tiến          |                                                                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Chồng (đã mất)<br>(Husband (deceased))                                 |
| 14.02        | Cù Thu Hà              |                                                                                                        |                                                                            | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                      |
| 14.03        | Cù Nam Khánh           |                                                                                                        |                                                                            | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                                                              |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Con đẻ<br>(Child)                                                      |
| 14.04        | Cù Chính Nghệ          |                                                                                                        |                                                                            | CMND<br>(ID Card)                                                                                                                                                                 |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Bố chồng<br>(Father-in-law)                                            |
| 14.05        | Cù Thị Thương          |                                                                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Mẹ chồng (đã mất)<br>(Mother-in-law<br>(deceased))                     |
| 14.06        | Nguyễn Khắc Khai       |                                                                                                        |                                                                            |                                                                                                                                                                                   |                                           |                                       |                                 |                                                                                  |                                                                                             |                                                                                                        | Bố đẻ (đã mất)<br>(Father (deceased))                                  |



| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period) (%) | Ghi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 14.07        | Khuyết Thị Nhân        |                                                                                   |                                                  |                                                                                                                                                  |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Mẹ đẻ (đã mất)<br>(Mother (deceased))                            |
| 14.08        | Nguyễn Thị Hương       |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chi ruột<br>(Elder sister)                                       |
| 14.09        | Nguyễn Thị Minh Ngọc   |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Chi ruột<br>(Elder sister)                                       |
| 14.10        | Nguyễn Quốc Anh        |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Anh ruột<br>(Elder brother)                                      |
| 14.11        | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 021C115104                                                                        |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 1.440                                                                           | 0,00550%                                                                                   | Chi ruột<br>(Elder sister)                                       |
| 14.12        | Nguyễn Quốc Cường      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Anh ruột<br>(Elder brother)                                      |
| 14.13        | Lê Đăng Dung           |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                            | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                 |

| Stt<br>(No.) | Họ và tên<br>(Name)                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>(Securities Trading Account (if any)) | Chức vụ tại Công ty<br>(Position at the Company) | Loại hình NSH<br>(CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ GĐKDN)<br>(Type of Owner Identification (ID Card/Citizen ID/Passport/Business Registration Certificate)) | Số giấy NSH<br>(Identification Number) | Ngày cấp NSH<br>(Date of Issue) | Nơi cấp NSH<br>(Place of Issue) | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>(Head Office Address / Contact Address) | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br>(Number of shares owned at the end of the period) | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br>(Percentage of shares owned at the end of the period)<br>(%) | Chi chú (về việc không có số NSH và các ghi chú khác)<br>(Notes) |
|--------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 14.14        | Vũ Văn Hiến                             |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                 |
| 14.15        | Đặng Vũ Sơn                             |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Anh rể<br>(Elder brother-in-law)                                 |
| 14.16        | Nguyễn Thị Anh Nga                      |                                                                                   |                                                  | CCCD<br>(Citizen ID)                                                                                                                             |                                        |                                 |                                 |                                                                                  |                                                                                 |                                                                                               | Chị dâu<br>(Elder sister-in-law)                                 |
| 15           | Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP |                                                                                   |                                                  | ĐKKD<br>(Business Registration Certificate)                                                                                                      |                                        |                                 |                                 |                                                                                  | 14.425.401                                                                      | 55,12835%                                                                                     | Công ty mẹ của Tổ chức niêm yết                                  |